TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2026/DS-ST
Ngày: 20-01-2026
V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Bà Nguyễn Hồng Cúc
Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 401/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1951. Có mặt.
- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị K - sinh năm: 1967. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Khoảng năm 1996, bà H có nhiều lần cho bà K vay vàng. Cụ thể: vào ngày 01/01/1996 (âm lịch), bà K hỏi vay 10 chỉ vàng 24K (loại 98%), lãi suất 01 chỉ là 0.5 phân vàng, bà K có viết giấy nợ vào ngày 01/01/1996.

Đến ngày 22/6/1996 (âm lịch), bà K tiếp tục hỏi thêm 19 chỉ vàng 24K (loại 98%), lãi suất 01 chỉ là 0.5 phân vàng, bà K và bà Nguyễn Thị C (là em ruột của bà K) cùng ký tên vào biên nhận.

Ngoài ra, ngày 22/02/1996, (âm lịch) bà K có mượn 120 giạ lúa, bà K tự viết biên nhận cho bà.

Từ lúc vay vàng cho đến nay, bà K chưa trả gốc và lãi cho bà. Bà H đã nhiều lần đến đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà K không trả. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K trả cho bà số vàng theo biên nhận ngày 01/01/1996 (âm lịch) là 10 chỉ vàng 24K (loại 98%) và 100 giạ lúa.

Đối với biên nhận mà bà K cùng ký chung với bà Nguyễn Thị C thì bà H đồng ý rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu bà K tự chịu trách nhiệm trả 10 chỉ vàng 24K (loại 98%). Còn 09 chỉ vàng 24K thì bà C đã chết thì bà H1 xác định không yêu cầu bà C trả.

Tổng cộng yêu cầu bà K phải trả 20 chỉ vàng 24K (loại 98%) và 100 giạ lúa. Bà K xác định lúa 504 thì tôi cũng thống nhất.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà K thừa nhận có hỏi vay vàng của bà H nhiều lần như bà H1 đã trình bày. Các biên nhận nợ do bà H cung cấp thì đúng là do bà tự viết và ký tên.

Từ trước đến nay bà cũng có thiện chí hòa giải, yêu cầu xin trả dần nhưng bà H không chịu nên chưa trả nợ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà phải trả nợ thì bà K thống nhất thừa nhận, đồng ý trả cho bà H tổng số vàng là 20 chỉ vàng 24K (loại 98%) và 100 giạ lúa (loại 504). Hiện hoàn cảnh khó khăn thì bà K yêu cầu trả dần mỗi năm trả 01 chỉ vàng cho đến khi hết số vàng, còn đối với phần nợ lúa thì vụ lúa Hè Thu năm 2026 bà K sẽ trả đủ cho bà H 100 giạ lúa (loại 504).

Tại phiên tòa, bà H1 và bà K thống nhất quy đổi giá trị 100 giạ lúa (loại 504) tương đương với số tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 11.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả số vàng vay gốc và số lúa đã mượn. Tuy nhiên do thời hiệu khởi kiện đã hết, căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự 2015 thì bà H có quyền khởi kiện đòi lại tài sản đây là tranh chấp kiện đòi tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các biên nhận nợ thể hiện theo giấy viết tay đề ngày ngày 01/01/1996 (âm lịch) thể hiện nội dung bà K có vay của bà H số vàng là 10 chỉ vàng 24K. Ngày 01/6/1996 (âm lịch) bà K và bà Nguyễn Thị C có cùng hỏi vay thêm 19 chỉ vàng 24K và ngày 22/02/1996 (âm lịch). Ngoài ra, ngày 22/02/1996 (âm lịch) bà K có hỏi mượn của bà H 120 giạ lúa. Theo các biên nhận không thể hiện cụ thể thời gian trả nợ, bà H và bà K đã tự thỏa thuận việc trả nợ.

Quá trình hòa giải tại địa phương ngày 14/6/2025 và tại phiên hòa giải tại Tòa án, bị đơn - bà K thừa nhận có sự việc hỏi vay vốn của bà H ngày 01/01/1996 số vàng là 10 chỉ vàng 24K, ngoài ra bà K cùng em gái là bà C có cùng ký tên vay thêm số vàng là 19 chỉ vàng 24K, bà C đã chết từ lâu. Đối với phần vàng hỏi cùng bà C thì bà K thừa nhận có cùng ký tên và chịu trách nhiệm trả cho bà H số vàng là 10 chỉ vàng 24K, phần nợ lúa thì đúng là bà K thừa nhận còn nợ bà H 100 giạ lúa (loại 504). Các chữ ký trong 03 tờ biên nhận mà bà H cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký của bà K nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà H xác định chỉ yêu cầu bà K trả các khoản bao gồm, 10 chỉ vàng 24K do bà K tự hỏi vay và 100 giạ lúa (loại 504). Đối với số vàng bà K ký tên cùng biên nhận nợ bà C 19 chỉ vàng 24K thì bà H tự nguyện rút lại một phần yêu cầu, bà H chỉ yêu cầu bà K phải tự chịu trách nhiệm trả 10 chỉ vàng 24K, còn phần bà C đã chết thì bà H không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy, việc tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, áp dụng khoản 2 Điều 224 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà bà Nguyễn Thị K về trả số vàng gốc là 09 chỉ vàng 24k (loại 98%) và 20 giạ lúa (loại 504).

Như vậy có cơ sở xác định bà K còn nợ lại bà H tổng số vàng gốc là 20 chỉ vàng 24K (loại 98%) và 100 giạ lúa (loại 504).

Xét thấy các bên tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất quy đổi 100 giạ lúa 504 tương đương với số tiền là 11.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, bà K đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H tổng số vàng gốc là 20 chỉ vàng 24K (loại 98%) và 100 giạ lúa (loại 504) tương đương số tiền 11.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm d khoản 2 Điều 12, Điều 471, Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 1995 và Điều 155, 166, Điều 429, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bà K phải trả cho bà H tổng số vàng nợ gốc là 20 chỉ vàng 24K (loại 98%) và số tiền là 11.000.000 đồng.

Đối với ý kiến xin trả dần của bà K về việc mỗi năm trả 01 chỉ vàng nhưng bà H không đồng ý nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[2.3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của bà H được chấp nhận một phần và rút yêu cầu khởi kiện một phần và bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là:

[(20 chỉ vàng 24K (loại 98%) x 15.400.000 đồng/01chỉ) + 11.000.000 đồng)] x 5% = 15.050.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 12, Điều 467, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 1995 và Điều 155, 166, Điều 429, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị K về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị H số vàng gốc là 20 (*Hai mươi*) chỉ vàng 24K (loại 98%) và số tiền là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà bà Nguyễn Thị K về trả số vàng gốc là 09 chỉ vàng 24K (loại 98%) và 20 giạ lúa (loại 504).

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là:

[(20 chỉ vàng 24K (loại 98%) x 15.400.000 đồng/chỉ) + 11.000.000 đồng)] x 5% = 15.050.000 đồng (*Mười lăm triệu, không trăm, năm mươi nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 20/01/2026.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND KV5-AG;
- Phòng THADS KV5;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An